TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày 29 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tiến

Bà Lê Thị Dệt

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tranh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2017/TLST - HS ngày 23 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Trí D, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1988 sinh và trú tại: Tiểu khu X, TT.N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do (Thợ xây); trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Trí H (đã chết) và bà Lã Thị C; có vợ là Nguyễn Thị N và hai con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ 9 ngày từ ngày 17/9/2017 đến ngày 26/9/2017 cho tại ngoại, có mặt.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày: 18/12/1998; Trú tại: Thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 14/9/2017, Đỗ Trí D đi xe mô tô đến xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đi làm thợ hồ, nhưng do trời mưa nên được nghỉ. D đi thẳng lên xã V, huyện N, đến khu vực thôn G thấy chị Nguyễn Thị H đi xe đạp ngang qua, trong túi quần của chị H có chiếc điện thoại lộ ra ngoài, thấy vậy D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của chị H. D gọi chị H lại và nói "cháu ơi chú đi làm quên mang theo tiền, xe hết xăng cho chú nhờ điện thoại gọi người mang tiền đến đổ xăng". Chị H tưởng thật nên đã bảo D đọc số để gọi điện. D đọc số điện thoại 0975.246.187 là số điện thoại cũ của D sử dụng trước đây nhiều năm nay không sử dụng nữa. Chị H bấm số gọi, đầu máy bên kia là một phụ nữ nghe máy. D nói với chị H tên chú là C. Chị H nói với người phụ nữ nghe máy là có phải người nhà chú C thì đem tiền lên cho chú đổ xăng, chú đang ở V. Người phụ nữ kia nói "kệ nó, nó đi thì nó tự lo lấy". Lúc này D nói với chị H đưa điện thoại cho chú nói chuyện, chị H đưa điện thoại cho D rồi bước lùi vào vỉa hè trú mưa. D cầm điện thoại trên tay và nổ xe mô tô bỏ chạy. Chị H thấy vậy dùng tay bám vào giá đèo hàng của xe D và nói "trả điện thoại đây", nhưng D vù ga chạy thoát kéo theo chị H bị ngã xuống đường xước khuỷu tay. Sau khi lấy được điện thoại của chị H, D chạy xe về thị trấn N đến cầu T, xã V tháo 2 chiếc sim trong điện thoại ra ném xuống sông, còn điện thoại đem về giấu trên gác bếp.

Sau khi xảy ra sự việc chị H đã kể cho gia đình nghe và mô tả đặc điểm nhận dạng của Đỗ Trí D. Ngày 17/9/2017, chị H đi làm tại khu phố mới xã V thì tình cờ phát hiện Đỗ Trí D đi qua nên hô hoán mọi người đuổi bắt. Thấy đông người đuổi vây nên D chạy vào phòng làm việc của công an xã V viết đơn đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại di động cho công an tại xã V. Sau đó, D được đưa đến Cơ quan điều tra Công an huyện N để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra Công an huyện N triệu tập chị H lập biên bản xem xét dấu vết trên thân thể chị H. Xác định bị vết xước ngoài da vùng khuỷu tay trái dài 06cm, đường kính 1,5cm. Vết thương đã khô, không còn dịch chảy.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 26/ĐGTS ngày 18/9/2017 của Hội đồng định giá huyện N định giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG

Glaxy J3Pro SM-J330G/DS màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng có giá trị 3.500.000đ.

Về vật chứng:

- 01 Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Glaxy J3Pro SM-J330G/DS màu vàng màn hình cảm ứng đã qua sử dụng. Ngày 10/10/2017, Cơ quan điều tra công an huyện N đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị H theo quyết định xử lý vật chứng số 55/CSĐT ngày 10/10/2017.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 36 - 892 - KM, dung tích xi lanh 49 số khung C50 09049932, D khai khoảng năm 2010 khi đi làm thợ hồ ở thành phố Thanh Hóa đã mua lại của một người không quen biết ở Nghệ An với giá 2.900.000đ để dùng làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra Công an huyện N đã yêu cầu tra cứu về nguồn gốc chiếc xe, công an tỉnh Thanh Hóa đã có công văn trả lời "Chiếc xe số máy C50E 9049996 số khung: C50 09049932, biển số cũ là 36 - FM – 846, tên chủ phương tiện đăng ký lần đầu là Khương Công B1 – địa chỉ: Xí nghiệp xe khách Thanh Hóa. Không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Theo báo cáo của anh Khương Công B1 con trai của ông Khương Công B hiện ở số nhà 290 đường N, phường T, thành phố Thanh Hóa thì chiếc xe trên của ông Khương Công B đã bán từ lâu. Chiếc xe hiện đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện N:

Bị hại Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 14/9/2017, khi đang đi xe đạp qua địa phận xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa thì có một người thanh niên nhờ gọi điện thoại. Chị H bấm số gọi theo đề nghị của người thanh niên sau đó trao đổi nội dung người này yêu cầu, do nội dung trao đổi chưa thỏa mãn nên người thanh niên đề nghị đưa điện thoại để nói chuyện trực tiếp. Chị H đưa điện thoại cho người thanh niên thì bất ngờ người này nổ máy xe mô tô bỏ chạy, thấy vậy chị túm xe giằng lại nhưng người thanh niên này rồ ga chạy thẳng, chị H bị kéo ngã xuống đường xây xước khuỷu tay. Sau khi D bị bắt gia đình có đến xin bồi thường tiền thuốc nhưng do thương tích không lớn, đã khỏi nên bị hại không yêu cầu bồi thường. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu

gì về phần dân sự. Về trách nhiệm hình sự: Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 54/CTr-VKS ngày 23/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân (Sau đây viết tắt là VKSND) huyện N truy tố bị cáo Đỗ Trí D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60, Điều 47 BLHS đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo D từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 36 - 892 - KM, dung tích xi lanh 49 số khung C50 09049932. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu nên không xét. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo D khai nhận hành vi của mình, do điện thoại của vợ bị hỏng, muốn tặng vợ một chiếc điện thoại khác nên ngày 14/9/2017 đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại của chị H. Tuy nhiên sau khi chiếm đoạt được điện thoại, D thấy ân hận nên ngày 17/9/2017 đã đem điện thoại đến xã V mục đích tìm chị H để trả lại, nhưng chưa nhận diện được chị H thì bị chị H phát hiện và hô hoán mọi người đuổi bắt. Thấy đông người đuổi vây nên đã chạy vào phòng làm việc của công an xã V viết đơn đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc điện thoại di động cho công an tại xã V.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái quy định của pháp luật hối hận, xin lỗi bị hại, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng 7 giờ ngày 14/9/2017 tại khu vực thôn G, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, với ý đồ chiếm đoạt tài sản của người khác, khi có được chiếc điện thoại trong tư thế đang ngồi trên xe mô tô, Đỗ Trí D đã nổ máy xe nhanh chóng tẩu thoát. Bị cáo đã dùng xe mô tô là phương tiện cơ giới có tốc độ cao làm phương tiện phạm tội, khi nhanh chóng tẩu thoát có thể gây nguy hiểm đến sức khỏe người bị chiếm đoạt tài sản. Hành vi nêu trên của Đỗ Trí D đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "dùng thủ đoạn nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đỗ Trí D về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 BLHS là đúng người, đúng tội, phù hợp quy định pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn có thể gây nguy hiểm sức khỏe của họ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được ngay khi bị cáo nổ máy xe mô tô bỏ chạy, chị H đã hô to "Trả điện thoại đây", theo phản xạ tự nhiên trong khoảng cách gần, ngay lập tức sẽ bám vào phía sau xe mô tô để giữ lại nhằm lấy lại tài sản. Do vậy việc rồ ga bỏ chạy có thể người bám sau xe sẽ bị ngã và thực tế chị H đã bị kéo ngã xuống đường xước khuỷu tay. Chứng tỏ bị cáo chưa có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe của người khác. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để trừng trị, giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Không có tình tiết tăng nặng mà có các tình tiết giảm nhẹ: Đã trả lại cho bị hại để khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; thành khẩn khai báo; ăn năn

hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án tiền sự, có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo xét thấy áp dụng hình phạt tù nhưng chưa cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền cũng đủ để trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm. Vì vậy, ghi nhận bị cáo Đỗ Trí D đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

[7] Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, BKS 36 - 892 - KM, dung tích xi lanh 49 số khung C50 09049932, chủ sở hữu xe lần đầu báo cáo đã bán từ lâu. Theo kết quả tra cứu của Công an tỉnh Thanh Hóa xác định không phải vật chứng trong vụ án khác. Về phía bị cáo khai đã mua xe của người khác. Do vậy, tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội, bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Trí D phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS;

Xử phạt Đỗ Trí D 03 năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Đỗ Trí D đã thực hiện xong nghĩa vụ dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (Sau đây viết tắt là BLTTHS):

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Supercub 50, màu xanh, số khung: C50 09049932, số máy C50E 9049996, BKS

36–892-KM (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết: Buộc bị cáo Đỗ Trí D phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tiến **Lê Thị Dệt** **Nguyễn Thị Huệ**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKS huyện N;
- Công an huyện N;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VT. TT13

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Huệ